TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-DS	*Huyện K, ngày 23 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 11 năm 2023 về việc các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Vũ Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân L – Luật sư Văn phòng L1; địa chỉ: Số C Hồ S, thị trấn N, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn:

- Cụ Đỗ Thị M, sinh năm 1942; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị A, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

- Bà Vũ Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Bà Vũ Thị K, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng.

- Ông Vũ Văn H, sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Bà Vũ Phương X, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Vũ Phương X, *bà* Vũ Thị A: Bà Bà Vũ Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia di sản thừa kế của cụ Vũ Văn T1 để lại là diện tích đất 778,4m^2 tại thửa đất số 421, tờ bản đồ số 01 tại Thôn T, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng như sau:

- Cụ Đỗ Thị M được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3a-3b-11-12 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng.

- Bà Vũ Thị A được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3b-3c-10-11 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng (*Ba trăm mười ba nghìn, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm ba đồng*).

- Ông Vũ Văn C được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3c-3d-9-10 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng (*Ba trăm mười ba nghìn, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm ba đồng*).

- Bà Vũ Thị T được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3d-3e-8-9 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng (*Ba trăm mười ba nghìn, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm ba đồng*).

- Bà Vũ Thị K được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3e-3f-7-8 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng (*Ba trăm mười ba nghìn, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm ba đồng*).

- Bà Vũ Phương X được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3f-3g-6-7 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng (*Ba trăm mười ba nghìn, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm ba đồng*).

- Ông Vũ Văn H được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng diện tích đất 111.2m^2 đất có các mốc giới bao gồm các mốc 3g-4-5-6 (*theo sơ đồ kèm theo*) và các tài sản gắn liền trên đất, trị giá bằng 313.206.253 đồng (*Ba trăm mười ba nghìn, hai trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm năm ba đồng*).

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cụ Đỗ Thị M được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- Bà Vũ Thị A, ông Vũ Văn C, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị K, bà Vũ Phương X, ông Vũ Văn H mỗi người chịu 7.830.156 đồng (Bẩy triệu tám trăm ba mươi nghìn một trăm năm sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- VKSNDTP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Khúc Trọng Quang